

Số: /BC-SCT

Quảng Trị, ngày tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sản xuất công nghiệp, hoạt động thương mại Quý I, nhiệm vụ công tác trọng tâm trong Quý II năm 2023

Năm 2023 là năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025; trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động, phức tạp.

Trước tình hình đó, thực hiện phương châm hành động năm 2023 của Chính phủ là: "*Đoàn kết, kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt; đổi mới sáng tạo; kịp thời hiệu quả*"; Sở Công Thương tích cực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh và xúc tiến hỗ trợ đầu tư; cùng với sự nỗ lực, cố gắng khắc phục khó khăn của cộng đồng doanh nghiệp; hoạt động sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại tiếp tục phục hồi và tăng trưởng, cụ thể:

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 3/2023 ước tăng 1,49% so với tháng trước và ước tăng 14,9% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tăng 9,02%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí ước tăng 34,44%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải ước tăng 9,55%. Riêng ngành công nghiệp khai khoáng ước giảm 7,41% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 3 tháng đầu năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng khá cao (+13,79%) so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng cao nhất trong các năm trở lại đây¹; cho thấy ngành công nghiệp đang phục hồi tăng trưởng. Trong đó: Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 37,01%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,87%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,85%. Riêng ngành công nghiệp khai khoáng giảm 8,26% (*do công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản ngày càng chặt chẽ hơn*) so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

¹ Quý I/2018 tăng 7,27%, quý I/2019 tăng 9,25%, quý I/2020 tăng 7,98%, quý I/2021 tăng 7,81%; quý I/2022 tăng 5,8%.

Một số sản phẩm công nghiệp trong tháng 3/2023 có mức tăng trưởng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Điện sản xuất tăng 46,73%; bộ com-lê, quần áo tăng 22,77%; tinh bột sắn tăng 22,11%; bia lon tăng 13,64%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Ván ép giảm 20,66%; tấm lợp pro xi măng giảm 20,17%; sấm xe các loại giảm 17,98%; nước hoa quả, tăng lực giảm 16,49%; gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 15,33%; xi măng giảm 14,72%; quặng inmenit giảm 9,57%; dăm gỗ giảm 5,89%; phân hóa học giảm 4,05%; lốp xe các loại giảm 2,78% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Một số sản phẩm chủ yếu trong quý I/2023 so với cùng kỳ năm trước tăng cao: Bia lon tăng 52,13%; điện sản xuất tăng 48,76%; tinh bột sắn tăng 16,18%; quần áo tăng 15,40%... Một số sản phẩm tăng ổn định như: điện thương phẩm tăng 11,66%; dăm gỗ tăng 6,69%; gạch xây dựng bằng đất sét nung tăng 4,46%; nước máy tăng 4,38%.. Một số sản phẩm giảm như: lốp dùng cho xe máy, xe đạp giảm 7,04%; phân hóa học giảm 7,84%; nước hoa quả, tăng lực giảm 10,59%; xi măng giảm 12,99%; gỗ cưa hoặc xẻ giảm 14,75%; thủy hải sản chế biến giảm 16,02%; tấm lợp pro xi măng giảm 16,43%; đá xây dựng giảm 18,69%; sấm dùng cho xe máy, xe đạp giảm 24,27%; dầu nhựa thông giảm 29,11%; ván ép giảm 34,34%...

2. Lĩnh vực thương mại, giá cả tiêu dùng

Bước sang tháng 3/2023, hoạt động thương mại và dịch vụ tiếp tục phục hồi mạnh mẽ và phát triển, nhu cầu tiêu dùng tăng lên; hàng hoá trên thị trường phong phú, đa dạng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 3/2023 ước đạt 2.506,99 tỷ đồng, tăng 5,55% so với tháng trước và tăng 17,22% so với tháng cùng kỳ năm trước². Tính chung 3 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 7.327,04 tỷ đồng, tăng 16,39% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 5.891,86 tỷ đồng, tăng 15,72%; dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 1.043,30 tỷ đồng, tăng 22,95%; dịch vụ khác ước đạt 391,68 tỷ đồng, tăng 10,46% so với cùng kỳ năm trước. Riêng ngành lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 0,199 tỷ đồng.

Trong quý I năm 2023, tổng kim ngạch hai chiều qua các cửa khẩu quốc tế trên địa bàn ước đạt 121,94 triệu USD (Cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo ước đạt 86,44 triệu USD, Cửa khẩu Quốc tế La Lay ước đạt 35,5 triệu USD), giảm 21,57% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Xuất khẩu ước đạt 26,38 triệu USD, giảm 11,18%, nhập khẩu ước đạt 95,56 triệu USD, giảm 24,02% so với cùng kỳ năm trước. Hàng xuất khẩu chủ yếu là các mặt hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, xăng dầu, phân bón, nhựa đường; hàng nhập khẩu chủ yếu là cao su, than đá, gỗ, đường, nước tăng lực, nông sản, thạch cao...

² bao gồm: doanh thu bán lẻ hàng hóa 2.011,95 tỷ đồng, tăng 4,90% và tăng 15,93%; doanh thu lưu trú và ăn uống 363,74 tỷ đồng, tăng 9,17% và tăng 26,96%; du lịch lữ hành không phát sinh; doanh thu dịch vụ khác 131,29 tỷ đồng, tăng 5,72% và tăng 12,47%.

Quý I/2023, tình hình buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh giảm so với cùng kỳ năm trước³. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của tỉnh Quảng Trị trong tháng 03 năm 2023 giảm 0,34% so tháng trước; tăng 4,28% so với cùng kỳ năm trước; tăng 1,02% so với tháng 12 năm trước; tính chung 3 tháng đầu năm 2023 CPI tăng 5,13% so với cùng kỳ năm trước.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

1. Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đề án

- Xây dựng Dự thảo và tham mưu UBND tỉnh trình Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 27/4/2021 của Tỉnh ủy; Tham gia lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hoàn chỉnh báo cáo đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết đại hội đảng các cấp và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH, Dự toán NSNN và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nâng cao chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp năm 2023.

- Tổ chức rà soát và tổ chức triển khai các nội dung Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc Triển khai Quyết định số 1162/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phát triển thương mại miền núi vùng sâu, vùng xa và hải đảo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Chương trình phát triển thương mại biên giới Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Trình UBND tỉnh xem xét Kế hoạch thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa tỉnh đến năm 2030.

- Tham mưu trình UBND tỉnh về dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về xử lý công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp; bãi bỏ Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý và kinh doanh khai thác chợ; chuẩn bị xây dựng Dự thảo Quy chế quản lý kinh phí khuyến công; xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương tỉnh Quảng Trị.

2. Công tác quản lý nhà nước lĩnh vực công nghiệp và an toàn kỹ thuật môi trường

³ Kết quả, đã xử lý 361 vụ (giảm 13,22% so với cùng kỳ năm trước) với trị giá hàng hóa 5,25 tỷ đồng (giảm 62,22% so với cùng kỳ năm trước), xử phạt hành chính 264 vụ với số tiền 8,04 tỷ đồng (giảm 5,38% về số vụ và tăng 14,43% về giá trị so với cùng kỳ năm trước), xử lý hình sự 61 vụ/94 đối tượng (giảm 26,61% về số vụ và 16,07% về đối tượng so với cùng kỳ năm trước).

- Tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động lĩnh vực phát điện trên địa bàn. Tổng hợp đánh giá tình hình đảm bảo an toàn thủy điện, quản lý cụm công nghiệp; báo cáo trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương.

- Tiếp tục phối hợp với ngành điện thực hiện công tác vận hành, cung ứng điện an toàn, liên tục bảo đảm nhu cầu sản xuất, sinh hoạt; công tác an toàn phòng chống cháy nổ trên địa bàn trong và sau Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023; tham gia Đoàn công tác liên ngành kiểm tra công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Quý Mão và mùa Lễ hội Xuân năm 2023.

3. Công tác quản lý lĩnh vực năng lượng và xúc tiến dự án đầu tư

- Tổng hợp báo cáo sử dụng năng lượng, định mức tiêu hao năng lượng và cập nhật danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; Trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng thuộc diện ưu tiên cấp điện khi thiếu nguồn năm 2023; cung cấp sản lượng điện từ năng lượng tái tạo năm 2022; Tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động lĩnh vực phát điện trên địa bàn.

- Chuẩn bị nội dung tham gia Chương trình giám sát chuyên đề "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016-2021" tại tỉnh Quảng Trị. Phối hợp tổ chức các hoạt động hưởng ứng "Giờ Trái đất năm 2023. Đẩy nhanh tiến độ Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị theo kế hoạch vốn bố trí năm 2023.

- Tiếp tục hỗ trợ nhà đầu tư các dự án trọng điểm trên địa bàn để sớm triển khai thực hiện. Tập trung hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư các dự án điện gió đã được cấp chủ trương đầu tư sau khi có chủ trương chuyển tiếp về giá. Tính đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn có 02 dự án điện gió Hướng Linh 1 và Hướng Linh 2 đã đi vào vận hành (tổng công suất 60MW); Có 29 dự án điện gió với tổng suất quy hoạch 1.117,2MW được cấp chủ trương đầu tư và triển khai đầu tư, trong đó: 17 dự án điện gió đã hoàn thành 100% công tác xây lắp với tổng công suất 654MW (Gelex 1-3, Hướng Phùng 2-3, Hướng Linh 7-8, Phong Huy, Phong Liệu, Phong Nguyên, Liên Lập, Hướng Tân, Tân Linh, Amacciao Quảng Trị 1, Tài Tâm, Hoàng Hải và Hướng Hiệp 1); đã đưa vào vận hành thương mại 17/17 dự án với tổng công suất 611,1MW, riêng dự án Hướng Linh 7 chỉ đưa vào vận hành thương mại 3/7 tua bin, Dự án Hướng Hiệp 1 chỉ đưa vào vận hành 01/7 tua bin; 12 dự án đang triển khai đầu tư với tổng công suất 454MW.

4. Công tác quản lý nhà nước về thương mại

- Tham mưu công tác dự trữ hàng hóa thiết yếu phục vụ cân đối cung cầu và bình ổn thị trường; Xây dựng Kế hoạch Kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng năm 2023; kiểm tra tình hình thị trường tại các siêu thị, chợ, trung tâm thương mại; tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại trước, trong và sau Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

- Phổ biến thông tin, tuyên truyền, hỗ trợ đến các doanh nghiệp chế biến, sản xuất, nhà phân phối và cửa hàng nông sản trên địa bàn biết để kết nối tiêu thụ sản phẩm OCOP, CNNT. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng "Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam" năm 2023. Chỉ đạo triển khai Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh năm 2023; triển khai công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh năm 2023; tăng cường công tác quản lý nhà nước về kinh doanh rượu; Khảo sát các địa điểm đề xuất đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu.

- Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các chương trình bình ổn thị trường, chương trình đưa hàng Việt về khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Thường xuyên theo dõi, hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch ngay từ những tháng đầu năm.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra và pháp chế

Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023; Kế hoạch Phòng, chống tham nhũng của Sở năm 2023. Ban hành và triển khai các nhiệm vụ pháp chế năm 2023 như: Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật; Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính của Sở năm 2023. Đề án "Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân"; Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2019-2023 của Sở Công Thương. Kế hoạch Thực hiện kiện toàn báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh thuộc lĩnh vực công thương; Kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của Sở năm 2022.

6. Công tác tổ chức hành chính, nội vụ

- Hoàn thành công tác đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở năm 2022 và đối với cá nhân thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Xác định lộ trình giảm biên chế công chức từ năm 2024 đến năm 2026. Xây dựng kế hoạch đăng ký tuyển dụng công chức năm 2023 và kế hoạch biên chế CCVC năm 2024. Thực hiện quy trình bổ nhiệm các bộ đối với lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc Sở. Trình thẩm định, kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc Sở. Lấy ý kiến của Sở Tài chính về Phương án phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở giai đoạn 2023 -2025.

- Hoàn thành thủ tục nâng bậc thường xuyên và lương trước thời hạn; kiện toàn Hội đồng lương cơ quan Sở Công Thương; Tổ chức đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Trang thông tin điện tử tỉnh Quảng Trị. Công bố danh mục, công khai, hướng dẫn thực hiện TTHC có yêu cầu nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc xác nhận tại nơi cư trú.

- Ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI) năm 2023; Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu cải cách hành chính năm 2023, dự kiến chỉ tiêu đạt đến năm 2025; Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023; Thông báo Về Danh mục Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc thẩm quyền quản lý của Sở; triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước năm 2023; duy trì, cải thiện chỉ số cải cách hành chính năm 2023.

III. Một số nhiệm vụ công tác trọng tâm quý II năm 2023

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nội dung cam kết giữa Tập thể lãnh đạo và Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2023; Chương trình công tác trọng tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; Các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ của tỉnh. Tập trung nắm tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, các dự án đầu tư, tham mưu các giải pháp hỗ trợ theo kế hoạch chỉ đạo của UBND tỉnh;

- Hoàn thành các nội dung liên quan Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Hoàn thành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1643/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Dệt May và Da Giày Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 27/4/2021 của Tỉnh ủy.

- Hoàn thành rà soát, báo cáo tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ tại các khu công nghiệp và trên địa bàn các địa phương theo chỉ đạo UBND tỉnh tại Thông báo kết luận số 51/TB-UBND ngày 16/3/2023. Đề xuất xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2024.

- Hoàn thành dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh về ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về xử lý công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp; bãi bỏ Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý và kinh doanh khai thác chợ; Dự thảo Quy chế quản lý kinh phí khuyến công; xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương tỉnh.

- Hoàn thành báo cáo và các nội dung theo Kế hoạch giám sát số 08/KH-ĐĐBQH ngày 07/02/2023 của Đoàn Đại biểu Quốc hội về thực hiện Chương trình giám sát chuyên đề "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016-2021" tại tỉnh Quảng Trị. Tiếp tục phối hợp với BQL dự án các công trình điện miền Trung (chủ đầu tư) và UBND huyện Hải Lăng, các Sở

ngành liên quan hỗ trợ đẩy nhanh công tác GPMB dự án Trạm biến áp 500kV Quảng Trị và đường dây đầu nối Quảng Trị - Vũng Áng - Đà Nẵng.

- Hoàn thiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh (đối với chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp) năm 2023. Triển khai thực hiện chương trình khuyến công tỉnh và quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2023; Hỗ trợ nhà đầu tư triển khai các dự án điện gió đã được quy hoạch tiếp tục hoàn thiện thủ tục, triển khai thực hiện dự án.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các Đề án xúc tiến thương mại năm 2023 thuộc Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch phát triển thương mại điện tử của tỉnh năm 2023; Kế hoạch công tác bảo vệ người tiêu dùng của tỉnh năm 2023; Kế hoạch thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” của ngành Công Thương năm 2023; tăng cường công tác quản lý, chấn chỉnh hoạt động quảng cáo, kinh doanh thuộc qua các mạng xã hội.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch Kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng năm 2023; Triển khai tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới.

- Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch duy trì HTQLCL ISO 9001:2015 của Sở năm 2023 và triển khai thực hiện.

- Tổ chức rà soát, đánh giá kết quả năm 2022 và phân công trách nhiệm thực hiện cải thiện mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2023 của Sở và triển khai thực hiện; Góp ý hoàn thiện Quy định đánh giá, chấm điểm và các Bộ chỉ số CCHC cấp Sở, cấp huyện và cấp xã.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại và công tác quản lý nhà nước của Sở trong quý I năm 2023; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- UBND tỉnh (b/c);
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở KH & ĐT;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Lê Tiến Dũng

SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 01/SCT

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 3 năm 2023

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 01/2023		Dự ước tháng 02/2023			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02/2023 so với tháng 02/2022
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	208.25	115.61	211.35	101.49	114.90	113.79
1. Công nghiệp khai khoáng	94.44	101.05	100.94	106.89	92.59	91.74
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	174.85	107.71	183.33	104.85	109.02	105.87
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	458.62	137.83	436.67	95.21	134.44	137.01
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	117.45	96.33	109.41	93.16	109.55	103.85

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Biểu số 02/SCT-BCT

Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;

- Vụ Kế hoạch (BCT)

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 3 năm 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	1315	1333	3877	1474	4035	101.39%	90.43%	96.08%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	632.69	631	1913	671	1976	99.81%	94.09%	96.77%
3	Đá xây dựng	M3	45578.36	52739	128642	59323	158208	115.71%	88.90%	81.31%
4	Tinh bột sắn	Tấn	12015	11956	36582	9791	31488	99.51%	122.11%	116.18%
5	Bia lon	1000 lít	1050	1000	3550	880	2333	95.24%	113.64%	152.13%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	577	1200	2855	1437	3193	207.97%	83.51%	89.41%
7	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	3256.05	2973	9187	2421	7961	91.30%	122.77%	115.40%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	5042	5235	14686	6183	17228	103.84%	84.67%	85.25%
9	Dăm gỗ	Tấn	36512	43409	115670	46123	108421	118.89%	94.11%	106.69%
10	Ván ép	M3	17398	19500	46371	24577	70622	112.08%	79.34%	65.66%
11	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	508	450	1458	401	1883	88.58%	112.22%	77.43%

12	Phân hoá học (NPK)	Tấn	3693	3600	9230	3752	10016	97.48%	95.95%	92.16%
13	Lốp xe các loại	1000 cái	274	280	763	288	821	102.23%	97.22%	92.96%
14	Săm xe các loại	1000 cái	464	470	1332	573	1759	101.28%	82.02%	75.73%
15	Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 viên	11109	12460	32787	12304	31388	112.15%	101.26%	104.46%
16	Gạch và gạch khối xây dựng bằng xi măng, bê tông	1000 viên	6757	8686	17788	2068	7387	128.54%	420.10%	240.79%
17	Xi măng	Tấn	12059	21000	44803	24625	51489	174.14%	85.28%	87.01%
18	Tấm lợp pro xi măng	1000 m2	150	368	562	461	672	245.33%	79.83%	83.57%
19	Điện sản xuất	Triệu KWh	289	272	889	185	598	94.10%	146.73%	148.76%
20	Điện thương phẩm	Triệu KWh	62	60	182	53	163	96.77%	113.21%	111.66%
21	Nước máy	1000 m3	1199	1099	3541	995	3392	91.66%	110.45%	104.38%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	2375.27	2506.99	7327.04	2138.73	6294.83	105.55%	117.22%	116.40%
1	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	1917.89	2011.95	5891.86	1735.49	5091.48	104.90%	115.93%	115.72%
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		457.38	495.03	1435.18	403.24	1203.35	108.23%	122.77%	119.27%
2.1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	333.19	363.74	1043.50	286.50	848.76	109.17%	126.96%	122.94%
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		333.19	363.74	1043.30	286.50	848.76	109.17%	126.96%	122.92%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	0.00	0.00	0.20	0.00	0.00	-	-	-
2.2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	124.19	131.29	391.68	116.74	354.59	105.72%	112.47%	110.46%